TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phượng -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lầu A Thống - Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vàng Thị T**; Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Bản X, xã T, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Phá Dúa T;** Sinh năm: 1963; Địa chỉ: Bản T, xã L, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người phiên dịch:

- Người phiên dịch cho nguyên đơn chị Vàng Thị T: Anh **Vàng A K**; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản X, xã T, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

- Người phiên dịch cho bị đơn ông Phá Dúa T: Anh **Phá A C**; Sinh năm: 1998; Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2023, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Vàng Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và ông Phá Dúa T kết hôn với nhau từ ngày 19/3/2020 tại UBND xã T Phông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và ông T chung sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống rượu, hay dùng dao đe dọa chị, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, chị không thể sống chung nên đã ly thân từ tháng 9 năm 2022 chị đã chuyển đến bản Xá Tự, xã T Phông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên sinh sống cho đến nay. Chị T nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã

viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho chị được ly hôn ông Phá Dúa T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong thời gian chung sống chị và ông T có một con chung: Cháu Phá A T, sinh ngày 27/01/2020. Chị đề nghị để cho ông Phá Dúa T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu ông T yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung

- *Về tài sản chung:* Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản riêng:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

*** Tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông Phá Dúa T trình bày:**

Về tình cảm: Ông Phá Dúa T và chị Vàng Thị T kết hôn với nhau từ ngày 19/3/2020 tại UBND xã T Phông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Về nguyên nhân mâu thuẫn không đúng như chị T khai, trong quá trình chung sống không có cãi chửi nhau hay xích mích gì, ông không được cầm dao, súng đe dọa chị T, không biết vì lý do gì chị T lại bỏ đi không chung sống với ông, ông không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Ông và chị có một con chung: Cháu Phá A T, sinh ngày 27/01/2020. Ông đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu và đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung 01 lần là 50.000.000 đồng. Nếu chị T quay về chung sống với ông thì ông không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống có 02 con bò trị giá 30.000.000 đồng, 01 con dê trị giá 3.000.000 đồng, 01 xe máy HONDA trị giá 20.000.000 đồng. Số tài sản này chị T đã mang đi từ ngày 14/9/2021. Ông đề nghị chia tài sản ra làm làm ba phần, ông 02 phần, chị T 01 phần. Nếu chị T quay về chung sống với ông thì ông không yêu cầu chia tài sản chung.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 11/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu ông T cung cấp chứng cứ, chứng minh vợ chồng ông có khối tài sản chung là 02 con bò, 01 con dê, 01 xe máy HONDA. Tuy nhiên ông T đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Ngày 07/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Tuy nhiên đã hết thời hạn 07 ngày ông T đã không nộp cho Tòa án tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông Phá Dúa T không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập

đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chị Vàng Thị T đề nghị không tiến hành hòa giải và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử cho chị Vàng Thị T được ly hôn với ông Phá Dúa T.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:* Xử giao cháu Phá A T, sinh ngày 27/01/2020 cho ông Phá Dúa T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Vàng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phá A T, sinh ngày 27/01/2020 là 300.000 đồng mỗi tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung:* Chị Vàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Phá Dúa T yêu cầu chia tài sản chung tuy nhiên ông T không cung cấp tài liệu chứng cứ và không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho Tòa án. Do vậy không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản riêng:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

- *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vàng Thị T.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Vàng Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Vàng Thị T và Ông Phá Dúa T có đăng ký kết hôn từ ngày 19/3/2020 tại UBND xã T Phông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và ông T là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính, khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Chị T và ông T đã ly thân từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T và chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc không nhất trí ly hôn, xử cho chị T ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị T và ông T có 01 con chung là cháu Phá A T, sinh ngày 27/01/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Vàng Thị T và ông Phá Dúa T không thỏa thuận thống nhất được về người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Vàng Thị T nhất trí để ông Phá Dúa T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu. Không nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung một lần là 50.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Trong trường hợp ông T yêu cầu chị cấp dưỡng một lần tiền cấp dưỡng nuôi con chung chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Phá Dúa T đề

nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu. Yêu cầu chị Vàng Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung một lần số tiền là 50.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Ông T khai là người chăm sóc cháu T, sau khi đẻ cháu T được 06 tháng chị đã bỏ đi sau đó chị đã quay về đến tháng 9 năm 2022 bỏ đi không quay về nữa, không quan tâm chăm sóc con, ông có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Chị T thừa nhận đã bỏ đi như lời ông T khai do không thể chung sống được với ông T, thừa nhận không có thời gian chăm sóc, quan tâm, yêu thương con. Căn cứ điều kiện hoàn cảnh thực tế chị T không quan tâm chăm sóc con, ông T là người chăm sóc cháu T từ đó cho đến nay, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có việc làm, chỉ sản xuất nông nghiệp thu nhập thấp chủ yếu làm nương mỗi năm được 20 bao thóc. Do đó việc ông T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu T, yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, hiện nay cháu đã quen ở với ông T. Giao cháu T cho ông T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông T yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung một lần số tiền là 50.000.000 đồng là không được chấp nhận bởi vì chị T là phụ nữ người dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có việc làm, chỉ sản xuất nông nghiệp thu nhập thấp cũng chủ yếu làm nương, trồng thảo quả và cây ăn quả. Do đó chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 300.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, thu nhập của chị T, là hợp tình, hợp lý phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4].Về tài sản chung: Chị Vàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Phá Dúa T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm có 02 con bò trị giá 30.000.000 đồng, 01 con dê trị giá 3.000.000 đồng, 01 xe máy HONDA trị giá 20.000.000 đồng. Số tài sản này ông khai chị T đã mang đi từ ngày 14/9/2021. Ông đề nghị chia tài sản ra làm làm ba phần, ông 02 phần, chị T 01 phần. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không thừa nhận có tài sản chung như ông T khai, Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và ra Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Tuy nhiên ông T đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên và không nộp cho Tòa án tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đến

yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo yêu cầu của ông T. Ông T có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6].Về nợ chung: Không có.

[7]. Về án phí: Chị Vàng Thị T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vàng Thị T.

[8]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vàng Thị T được ly hôn với ông Phá Dúa T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phá A T, sinh ngày 27/01/2020 cho ông Phá Dúa T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vàng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Phá A T, sinh ngày 27/01/2020 là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mỗi tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Vàng Thị T.

5. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã T, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Tiến Hải